

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN Á ĐÔNG

*Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
đã được kiểm toán*



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN	5 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	6 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 28



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty

Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông được thành lập theo Quyết định số 40/2000/QĐ - BCN ngày 29/06/2000 về việc chuyển Xí Nghiệp Sơn Á Đông thành Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông do Bộ Công Nghiệp ban hành, Quyết định số 49/2000/QĐ-BCN ngày 10/08/2000 sửa đổi Quyết định số 40/2000/QĐ-BCN ngày 29/06/2000 về cơ cấu vốn điều lệ và việc bán cổ phần ưu đãi cho người lao động. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000132 đăng ký lần đầu ngày 13/08/2000, đăng ký thay đổi lần thứ tư mã số doanh nghiệp 0302066222 ngày 12/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 64.000.000.000 VND.

Vốn góp của Công ty đến ngày 31/12/2010 là 64.000.000.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ 1387 Bến Bình Đông, Phường 15, Quận 8, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ:
Chi nhánh Long An	Cụm Công nghiệp Hải Sơn, ấp Bình Tiền II, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An
Văn phòng đại diện tại Hà Nội	Số 45, khu tập thể chinh hình, phố Trung Kinh, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Tp. Hà Nội

Kết quả hoạt động

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 15.987.671.133 VND (Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 20.510.408.535 VND).

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 là 11.250.217.388 VND (Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 là 9.702.161.784 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Nhung	Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Ngọc Tứ	Phó Chủ tịch
Ông :	Nguyễn Vạn Thái	Thành viên
Ông :	Nguyễn Tài Thảo	Thành viên
Ông :	Lê Đình Quang	Thành viên
Ông :	Cao Trí Đức	Thành viên
Ông :	Trần Bửu Trí	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Bà :	Nguyễn Thị Nhung	Giám đốc
Ông :	Nguyễn Vạn Thái	Phó Giám đốc
Ông :	Phan Ngọc Thuần	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Bà :	Nguyễn Thị Cần	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông :	Trần Bá Kiệt	Thành viên BKS



Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty.

Tp.HCM, ngày tháng năm 2011

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thị Nhung

Tp.HCM, ngày tháng năm 2011

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Thị Nhung



Số : MA.../2011/BCKT/TC**BÁO CÁO KIỂM TOÁN***Về Báo cáo Tài chính năm 2010
của Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông*

Kính gửi:

- **Cổ đông Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông**
- **Hội đồng Quản trị Công Ty Sơn Á Đông**
- **Ban Giám đốc Công Ty Sơn Á Đông**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của **Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông** được lập ngày 28/02/2011 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày từ trang 6 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công Ty Cổ Phần Sơn Á Đông** tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 2. năm 2011

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**Tổng Giám đốc**TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH**Lê Văn Tuấn**

Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV

Kiểm toán viên**Dương Thị Quỳnh Hoa**

Chứng chỉ KTV số: 0424/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
	100		116.369.313.198	91.357.958.654
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	11.635.988.051	4.995.030.144
1. Tiền	111		11.635.988.051	4.995.030.144
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		46.291.776.982	45.044.015.570
1. Phải thu khách hàng	131		49.437.889.964	48.166.670.150
2. Trả trước cho người bán	132		-	32.020.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	2	125.157.862	157.002.566
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	3	(3.271.270.844)	(3.311.677.146)
IV. Hàng tồn kho	140	4	55.721.575.553	39.757.543.188
1. Hàng tồn kho	141		55.721.575.553	39.757.543.188
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.719.972.612	1.561.369.752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		72.723.420	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	5	32.445.650	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6	2.614.803.542	1.561.369.752
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
	200		43.694.729.829	40.969.572.214
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
TÀI SẢN				
II. Tài sản cố định	220		43.417.819.332	40.917.253.214
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	18.020.817.636	15.493.220.840
- Nguyên giá	222		40.557.726.779	33.782.439.206
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.536.909.143)	(18.289.218.366)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	22.793.188.085	23.663.498.561
- Nguyên giá	228		28.131.613.147	28.131.613.147
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.338.425.062)	(4.468.114.586)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	2.603.813.611	1.760.533.813
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		276.910.497	52.319.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	276.910.497	52.319.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		160.064.043.027	132.327.530.868



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2010	01/01/2010
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		82.666.576.260	67.051.624.156
I. Nợ ngắn hạn	310		78.505.715.293	62.936.893.385
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	41.910.402.458	34.017.266.139
2. Phải trả người bán	312		28.103.171.514	20.713.044.651
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	1.576.052.758	4.131.030.513
5. Phải trả công nhân viên	315		3.095.369.662	1.183.913.144
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	3.780.649.798	2.267.019.835
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	323	15.4	40.069.103	624.619.103
II. Nợ dài hạn	330		4.160.860.967	4.114.730.771
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	4.001.871.089	3.988.251.179
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		158.989.878	126.479.592
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 +430)	400	15	77.397.466.767	65.275.906.712
I. Vốn chủ sở hữu	410		77.397.466.767	65.275.906.712
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		64.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.106.048.518	(38.795.324)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	4.571.339.391
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.041.200.861	1.041.200.861



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2010	01/01/2010
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		11.250.217.388	9.702.161.784
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		160.064.043.027	132.327.530.868

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.218.979.364	1.218.979.364
5. Ngoại tệ các loại			
- USD		2.261,48	4.339,28
- EUR		-	2,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc




Lê Đình Quang

Nguyễn Thị Nhung